**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TP.HCM**

**KHOA VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**CỬ NHÂN KHOA HỌC**

*Website: http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn*

*Email: vanhoc\_ngonngu@yahoo.com*

*Điện thoại: 08 38293828 - 146*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2016**

**MỤC LỤC**

[A. GIỚI THIỆU KHOA VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ 1](#_Toc462406304)

[1. Vị thế 1](#_Toc462406305)

[2. Tầm nhìn 2](#_Toc462406306)

[3. Sứ mệnh 2](#_Toc462406307)

[4. Mục tiêu 2](#_Toc462406308)

[5. Triết lý giáo dục 2](#_Toc462406309)

[B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CHÍNH QUY 3](#_Toc462406310)

[1. Mục tiêu đào tạo 3](#_Toc462406311)

[2. Thời gian đào tạo 3](#_Toc462406312)

[3. Khối lượng kiến thức toàn khoá 3](#_Toc462406313)

[I. CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC, CHUẨN ĐẦU RA 5](#_Toc462406314)

[I.1. Trình độ kiến thức: 5](#_Toc462406315)

[I.2. Năng lực nhận thức, tư duy/Kỹ năng thực hành: 5](#_Toc462406316)

[I.3. Về phẩm chất nhân văn: 6](#_Toc462406317)

[I.4. Vị trí làm việc và cơ hội học lên trình độ cao hơn: 6](#_Toc462406318)

[I.5. Khung chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Văn học: 6](#_Toc462406319)

[II. CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC, CHUẨN ĐẦU RA 11](#_Toc462406320)

[II.1. Trình độ kiến thức: 11](#_Toc462406321)

[II.2. Năng lực nhận thức, tư duy/ Kỹ năng thực hành: 11](#_Toc462406322)

[II.3. Phẩm chất nhân văn: 12](#_Toc462406323)

[II.4. Vị trí làm việc và cơ hội học lên trình độ cao hơn: 12](#_Toc462406324)

[II.5. Khung chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Ngôn ngữ học: 12](#_Toc462406325)

[III. CHUYÊN NGÀNH HÁN NÔM, CHUẨN ĐẦU RA 17](#_Toc462406326)

[III.1. Trình độ kiến thức: 17](#_Toc462406327)

[III.2. Năng lực nhận thức, tư duy/Kỹ năng thực hành: 17](#_Toc462406328)

[III.3. Về phẩm chất nhân văn: 18](#_Toc462406329)

[III.4. Vị trí làm việc và cơ hội học lên trình độ cao hơn: 18](#_Toc462406330)

[III.5. Khung chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Hán Nôm 18](#_Toc462406331)

[IV. CÁC CHỨNG CHỈ TÍCH LUỸ 22](#_Toc462406332)

[C. CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG (CNTN) 23](#_Toc462406333)

[D. MỘT SỐ MỐC THỜI GIAN VÀ CÔNG VIỆC SINH VIÊN CẦN LƯU Ý 24](#_Toc462406334)

[1. Nhập học và học chính trị đầu năm 24](#_Toc462406335)

[2. Gặp mặt Ban chủ nhiệm Khoa 24](#_Toc462406336)

[3. Họp chia chuyên ngành 24](#_Toc462406337)

[4. Nộp chứng chỉ ngoại ngữ 25](#_Toc462406338)

[5. Nộp hồ sơ xét tốt nghiệp 26](#_Toc462406339)

[E. NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐOÀN HỘI, CÂU LẠC BỘ TIÊU BIỂU 26](#_Toc462406340)

[1. Học bổng khuyến khích học tập 28](#_Toc462406341)

[2. Học bổng Quỹ hỗ trợ sinh viên Ngữ văn 28](#_Toc462406342)

[3. Học bổng của các đơn vị, tổ chức và cá nhân khác 28](#_Toc462406343)

[F. BIỂU MẪU 31](#_Toc462406344)

[G. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA 33](#_Toc462406345)

[H. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CỦA KHOA 34](#_Toc462406346)

[1- Bộ môn Văn học Việt Nam 34](#_Toc462406347)

[2- Bộ môn Lý luận và Phê bình văn học 36](#_Toc462406348)

[3- Bộ môn Văn hóa dân gian 38](#_Toc462406349)

[4-Bộ môn Văn học nước ngoài và Văn học so sánh 40](#_Toc462406350)

[5- Bộ môn Nghệ thuật học 42](#_Toc462406351)

[6- Bộ môn Ngôn ngữ học 44](#_Toc462406352)

[7- Bộ môn Hán Nôm 46](#_Toc462406353)

[8- Phòng Nghiên cứu Hán Nôm 49](#_Toc462406354)

# A. GIỚI THIỆU KHOA VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ

## 1. Vị thế

Khoa Văn học và Ngôn ngữ với 3 ngành đào tạo:

- Văn học

- Ngôn ngữ học

- Hán Nôm

là một trong những khoa đào tạo cơ bản có truyền thống lâu đời nhất, có chương trình đào tạo bài bản của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Với những giáo sư tên tuổi tăng cường từ Đại học Tổng hợp Hà Nội, Viện KHXH vào như: GS.Hoàng Như Mai\*, GS.Lê Đình Kỵ\*, GS.Trần Thanh Đạm\*, GS.Chu Xuân Diên, GS.Nguyễn Lộc, GS.Mai Cao Chương, thầy Trần Chút, GS.Bùi Khánh Thế, GS.Đinh Lê Thư…và những giáo sư của Đại học Văn Khoa Sài Gòn tiếp tục công tác sau 1975 như: GS.Bửu Cầm\*, GS.Trần Trọng San\*, GS.Phạm Văn Diêu\*, GS.Nguyễn Văn Trung, GS.Lưu Khôn, GS.Nguyễn Khuê, GS.Nguyễn Tri Tài…đã tạo nên truyền thống rực rỡ, niềm tự hào lớn lao của Khoa Văn học và Ngôn ngữ. Hàng chục ngàn sinh viên đã tốt nghiệp Khoa Văn học và Ngôn ngữ, đang cống hiến trí tuệ và sức lực của mình ở mọi miền đất nước, nhiều người là những giáo sư, nhà nghiên cứu trụ cột, nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà quản lý tài ba, những doanh nhân thành đạt… ở các cơ quan Đảng và Nhà nước, các cơ quan văn hóa, giáo dục, báo chí, xuất bản, các công ty… cũng tạo nên truyền thống vẻ vang và niềm tự hào của Khoa Văn học và Ngôn ngữ.

Hiện nay số giảng viên của Khoa trên 40 người, trong đó có 12giáo sư, phó giáo sư;22tiến sĩ, 20 thạc sĩ, là khoa có lực lượng hùng hậu vào loại nhất Trường. Số sinh viên chính quy gần 1000 người, học viên cao học, nghiên cứu sinh gần 200 người, khiến cho Khoa trở thành một trong những khoa có quy mô đào tạo cử nhân chính quy và sau đại học lớn nhất toàn Trường.

## 2. Tầm nhìn

Khoa Văn học và Ngôn ngữ của Trường Đại học KHXH và Nhân văn (ĐHQG TP.HCM) phấn đấu trở thành một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu ngữ văn có uy tín nhất nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành ngữ văn trong các đại học khu vực Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên; đồng thời phấn đấu trở thành khoa đào tạo và nghiên cứu ngữ văn có uy tín trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á.

## 3. Sứ mệnh

Khoa Văn học và Ngôn ngữ tiếp tục truyền thống đã có là một trong những khoa nòng cốt của Trường Đại học KHXH và Nhân văn (ĐHQG TP.HCM), là nơi đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực đội ngũ trí thức khoa học cao với những phẩm chất nhân văn tốt đẹp, cung cấp cho xã hội các sản phẩm khoa học chất lượng, giàu bản sắc văn hoá, dân tộc để phục vụ xã hội, cộng đồng.

## 4. Mục tiêu

Mục tiêu hướng đến: xây dựng Khoa Văn học và Ngôn ngữ thành một trong hai trung tâm nghiên cứu và giảng dạy ngữ văn có uy tín nhất trong cả nước, có tầm cỡ trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

## 5. Triết lý giáo dục

Khoa học, Hiện đại, Dân tộc, Thiết thực.

Trong đó, Khoa học là phải xây dựng một đội ngũ khoa học mạnh: chương trình đào tạo phải đổi mới, cập nhật hóa thường xuyên để đảm bảo tính khoa học, phải chú trọng đến nghiên cứu khoa học, xây dựng Khoa Văn học và Ngôn ngữ trờ thành một trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh trong cả nước.

Hiện đại là nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy phải hiện đại; Sử dụng, khai thác các trang thiết bị hiện đại cho việc nghiên cứu và giảng dạy; Xây dựng Khoa trở thành một khoa mạnh, hiện đại ngang tầm với những khoa cùng ngành của các đại học lớn trong khu vực.

Dân tộc là nội dung nghiên cứu và giảng dạy chú trọng vào những vấn đề của dân tộc, vì sự lợi ích và sự phát triển bền vững của dân tộc;Bồi dưỡng cho  sinh viên hiểu biết sâu sắc về dân tộc mình, tự hào về dân tộc và có tinh thần dân tộc cao cả.

Thiết thực là nội dung, mục tiêu đào tạo phải thiết thực, có thể giúp sinh viên dễ dàng có được việc làm, đáp ứng được nhu cầu đa dạng về nguồn nhân lục của xã hội.

# B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CHÍNH QUY

## 1. Mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Văn học, Ngôn ngữ, Hán Nômlà đào tạo ra những cử nhân có tri thức chuyên môn vững vàng và những phẩm chất nhân văn tốt đẹp. Đội ngũ cử nhân sau khi tốt nghiệp có kiến thức chuyên ngành vừa rộng vừa sâu, có kỹ năng làm việc tốt, thích ứng tốt với công việc liên quan đến văn hoá, văn học, ngôn ngữ, Hán Nôm, đồng thời có phẩm chất nhân văn tốt đẹp của người trí thức, có ý thức phục vụ cộng đồng, hoà nhập quốc tế và ý thức tự học suốt đời… Mục tiêu đào tạo của Khoa đều được dựa trên những định hướng chiến lược của Trường và ĐHQG-HCM trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, đội ngũ tri thức của đất nước.

## 2. Thời gian đào tạo: từ3.5 năm đến 6 năm

## 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng tín chỉ): 148 tín chỉ.

Sinh viên Khoa Văn học và Ngôn ngữ khi nhập họcđược chia thành các lớp nhỏ. Các lớp sẽ học chung các môn thuộc khối Giáo dục đại cương 46 TC do Phòng Đào tạo tổ chức giảng dạy. Hết học kỳ2 của năm thứ 2, Khoa sẽ tổ chức cuộc họp phân chia chuyên ngành. Sinh viên chọn đăng ký học 1 trong 3 chuyên ngành theo nguyện vọng của mình:Văn học, Ngôn ngữ học, Hán Nôm. Bắt đầu từ khi phân chia chuyên ngành, SV sẽ học theo chương trình riêng của từng ngành. Dưới đây là 3 chương trình học hoàn chỉnh của 3 ngành (đã bao gồm 46 TC Đại cương):



#

# I. CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC, CHUẨN ĐẦU RA

## I.1. Trình độ kiến thức:

Cử nhân ngành Văn học được trang bị có hệ thống các khối kiến thức sau:

- Kiến thức cơ bản về khoa học nhân văn và kiến thức bổ trợ (K1)

- Kiến thức cơ bản về Hán Nôm và ngôn ngữ học tiếng Việt (K2)

- Hiểu biết cơ bản về văn học Việt Nam dân gian, cổ điển và hiện đại (K3)

- Hiểu biết cơ bản về các khuynh hướng, trào lưu của một số nền văn học nghệ thuật lớn trên thế giới (K4)

- Hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học và nghệ thuật (K5)

## I.2. Năng lực nhận thức, tư duy/Kỹ năng thực hành:

Cử nhân ngành Văn học được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa với các kỹ năng thực hành để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Những kỹ năng đó bao gồm:

***I.2.1. Năng lực nhận thức, tư duy***

- Nhớ (remember, memorize), hiểu (understand) và trình bày (discuss) (T1)

- Vận dụng (apply) và phân tích (interpret) (T2)

- Phân tích đánh giá (analyze, appraise), tổng hợp (integrated) (T3)

***I.2.2. Kỹ năng thực hành***

- Kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam (KN1)

- Kỹ năng phê bình văn học, nghệ thuật(KN2)

- Kỹ năng viết báo, biên tập báo chí, xuất bản(KN3)

- Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, lưu trữ văn bản(KN4)

- Kỹ năng làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ứng xử xã hội, tổ chức các cuộc họp, sự kiện (KN5)

## I.3. Về phẩm chất nhân văn:

 Cử nhân ngành Văn học, chương trình giáo dục Văn học được đào tạo theo mục tiêu có tri thức chuyên môn vững vàng và những phẩm chất nhân văn tốt đẹp:

- Trung thành với Tổ quốc, tự hào về dân tộc (TĐ1)

- Năng động, tự tin, có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, hòa đồng, cầu tiến (TĐ2)

- Tích cực phục vụ cộng đồng và giữ gìn phẩm chất đạo đức của người trí thức (TĐ3)

- Tự học suốt đời (TĐ4)

## I.4. Vị trí làm việc và cơ hội học lên trình độ cao hơn:

***I.4.1. Vị trí làm việc:***

Cử nhân ngành Văn học có thể làm việc trong các lĩnh vực và vị trí sau:

- Làm công tác giảng dạy và nghiên cứu văn học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các viện và các trung tâm nghiên cứu.

- Làm phóng viên, biên tập viên ở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

- Làm công việc văn phòng ở các cơ quan văn hóa, chính trị và kinh tế.

***I.4.2. Cơ hội học lên trình độ cao hơn:***

Cửnhân ngành Văn học có thể học lên bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), các ngành phù hợp và ngành gần như: Văn học Việt Nam, Lý luận văn học, Hán Nôm, Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Văn hóa học, Việt Nam học, Châu Á học…

## I.5. Khung chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Văn học:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MÔN HỌC** | **SỐ TC** |  |
|  |
| **I** | **KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG** | **46** |  |
|  | ***BẮT BUỘC***  | ***43*** |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 2 |  |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 3 |  |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |
| 4 | Đường lối cách mạng Việt Nam  | 3 |  |
| 5 | Pháp luật đại cương | 3 |  |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |  |
| 7 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2 |  |
| 8 | Logic học đại cương | 2 |  |
| 9 | Hán văn cơ sở | 3 |  |
| 10 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 |  |
| 11 | Chữ Nôm | 2 |  |
| 12 | Thống kê cho khoa học xã hội | 2 |  |
| 13 | Môi trường và phát triển | 2 |  |
| 14 | Tin học | 3 |  |
| 15 | Ngoại ngữ | 10 |  |
|  | ***TỰ CHỌN****(Sinh viên tự chọn 03 tín chỉ trong các môn học sau)* | ***03*** |  |
| 1 | Nhân học đại cương  | 2 |  |
| 2 | Thực hành văn bản tiếng Việt | 2 |  |
| 3 | Xã hội học đại cương | 2 |  |
| 4 | Tâm lý học đại cương | 2 |  |
| 5 | Tôn giáo học đại cương | 2 |  |
| 6 | Chính trị học đại cương | 2 |  |
| 7 | Tiến trình lịch sử Việt Nam | 3 |  |
| 8 | Lịch sử văn minh thế giới | 3 |  |
| **II** | **KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH** | **102** |  |
|  | ***BẮT BUỘC*** | ***86*** |  |
|  | **CƠ SỞ NGÀNH** | **14** |  |
| 1 | Ngữ âm tiếng Việt | 2 |  |
| 2 | Từ vựng tiếng Việt | 2 |  |
| 3 | Ngữ pháp tiếng Việt | 4 |  |
| 4 | Phong cách học tiếng Việt  | 2 |  |
| 5 | Hán Nôm tăng cường  | 4 |  |
|  | **CHUYÊN NGÀNH** | **72** |  |
| 6 | Nguyên lý lý luận văn học | 3 |  |
| 7 | Tác phẩm văn học và thể loại văn học | 4 |  |
| 8 | Tiến trình văn học | 2 |  |
|  9 | Các phương pháp phê bình văn học | 2 |  |
| 10 | Văn học dân gian Việt Nam | 4 |  |
| 11 | Văn học cổ điển Việt Nam 1 (X-XVII) | 5 |  |
| 12 | Văn học cổ điển Việt Nam 2 (XVIII – XIX) | 5 |  |
| 13 | Văn học hiện đại Việt Nam 1 (1900 - 1945) | 5 |  |
| 14 | Văn học hiện đại Việt Nam 2 (1945 – nay) | 5 |  |
| 15 | Văn học Tây Âu 1 (cổ đại – XVII) | 4 |  |
| 16 | Văn học Tây Âu 2 (XVIII – XX) | 4 |  |
| 17 | Văn học Nga – Slav | 4 |  |
| 18 | Văn học Mỹ | 2 |  |
| 19 | Văn học Trung Quốc | 4 |  |
| 20 | Văn học Nhật Bản và Triều Tiên | 3 |  |
| 21 | Văn học Ấn Độ và văn học Đông Nam Á | 4 |  |
| 22 | Đại cương nghệ thuật học | 2 |  |
| 23 | Thi pháp ca dao | 2 |  |
| 24 | Thực tập, thực tế | 4 |  |
| 25 | Niên luận 1 (năm 3, học kỳ 2) | 2 |  |
| 26 | Niên luận 2 (năm 4, học kỳ 1) | 2 |  |
|   | ***TỰ CHỌN 1 trong 3 định hướng sau***  | **16** |  |
|  | **1. Hướng nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học** |  |  |
| 1 | Khóa luận | 10 |  |
| 2 | Thực tập hướng nghiệp | 3 |  |
| 3 | Dân ca Việt Nam | 2 |  |
| 4 | Văn hoá Nam Bộ | 2 |  |
| 5 | Truyện cổ tích dưới mắt các nhà khoa học | 2 |  |
| 6 | Sử thi Tây Nguyên | 2 |  |
| 7 | Thơ và thơ Việt Nam hiện đại | 2 |  |
| 8 | Truyện ngắn và truyện ngắn Việt Nam hiện đại | 2 |  |
| 9 | Tiểu thuyết và tiểu thuyết Việt Nam hiện đại | 2 |  |
| 10 | Phê bình văn học Việt Nam hiện đại | 2 |  |
| 11 | Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo | 4 |  |
| 12 | Lịch sử tư tưởng mỹ học phương Tây | 2 |  |
| 13 | Chủ nghĩa nhân văn trong văn học | 2 |  |
| 14 | Thi pháp học | 2 |  |
| 15 | Nhập môn văn học so sánh | 2 |  |
| 16 | Chủ nghĩa hậu hiện đại | 2 |  |
| 17 | Văn học các nước Trung Cận Đông | 2 |  |
| 18 | Văn học Mỹ Latin | 2 |  |
| 19 | Tiếng Anh chuyên ngành Văn học | 3 |  |
| 20 | Nguyễn Trãi – tác gia và tác phẩm | 2 |  |
| 21 | Nguyễn Du – tác gia và tác phẩm | 2 |  |
| 22 | Hồ Chí Minh – tác gia và tác phẩm | 2 |  |
|  | **2. Hướng báo chí, xuất bản, văn phòng** |  |  |
| 1 | Khóa luận | 10 |  |
| 2 | Thực tập hướng nghiệp | 3 |  |
| 3 | Nghiệp vụ biên tập sách  | 2 |  |
| 4 | Phỏng vấn  | 3 |  |
| 5 | Tin | 3 |  |
| 6 | Phóng sự điều tra | 3 |  |
| 7 | Ngôn ngữ báo chí và ngôn ngữ văn chương  | 4 |  |
| 8 | Kỹ thuật nhiếp ảnh và ảnh báo chí | 3 |  |
| 9 | Kỹ thuật làm báo trực tuyến | 3 |  |
| 10 | Quan hệ công chúng (PR) ứng dụng | 3 |  |
| 11 | Quảng cáo | 2 |  |
| 12 | Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản | 4 |  |
| 13 | Các kỹ năng cơ bản trong quản trị hành chính văn phòng | 3 |  |
| 14 | Nghiệp vụ thư ký văn phòng | 2 |  |
| 15 | Công tác văn thư lưu trữ trong các doanh nghiệp | 2 |  |
| 16 | Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng  | 2 |  |
|  | **3. Hướng nghệ thuật học** |  |  |
| 1 | Khóa luận | 10 |  |
| 2 | Thực tập hướng nghiệp | 3 |  |
| 3 | Nhập môn sân khấu | 2 |  |
| 4 | Nhập môn điện ảnh | 2 |  |
| 5 | Kỹ thuật viết kịch bản điện ảnh | 2 |  |
| 6 | Văn học dịch và dịch văn học | 2 |  |
| 7 | Thưởng thức và sáng tác thơ | 2 |  |
| 8 | Thưởng thức và sáng tác văn xuôi | 2 |  |
| 9 | Thưởng thức âm nhạc | 2 |  |
| 10 | Thưởng thức mỹ thuật | 2 |  |
| 11 | Nghệ thuật truyền thống Nam Bộ | 2 |  |
| 12 | Nghệ thuật sân khấu phương Đông | 2 |  |
| 13 | Kịch bản truyền thông | 2 |  |
| 14 | Nghệ thuật và kinh doanh | 2 |  |
| 15 | Nghệ thuật nói trước công chúng | 2 |  |
| 16 | Văn hoá đại chúng | 2 |  |

# II. CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC, CHUẨN ĐẦU RA

## II.1. Trình độ kiến thức:

Cử nhân ngành Ngôn ngữ học được trang bị có hệ thống các khối kiến thức sau:

- Kiến thức giáo dục đại cương thuộc khối ngành khoa học nhân văn và kiến thức bổ trợ (K1)

- Kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học đại cương và một số kiến thức về Văn học, Hán Nôm (K2)

- Kiến thức chuyên ngành về ngôn ngữ học. Trong đó đặc biệt chú ý đến các phương pháp nghiên cứu và các trường phái ngôn ngữ học hiện đại (K3)

- Kiến thức chuyên ngành về Việt ngữ học (K4)

- Hiểu biết về ngôn ngữ học ứng dụng và sự vận dụng ngôn ngữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội (K5)

## II.2. Năng lực nhận thức, tư duy/ Kỹ năng thực hành:

Cử nhân ngành Ngôn ngữ học được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa với các kỹ năng thực hành để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Những kỹ năng đó bao gồm:

***II.2.1. Năng lực nhận thức, tư duy***

- Nhớ (remember, memorize), hiểu (understand) và trình bày (discuss) (T1)

- Vận dụng (apply) và phân tích (interpret) (T2)

- Phân tích đánh giá (analyze, appraise), tổng hợp (integrated) (T3)

***II.2.2. Kỹ năng thực hành***

- Kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy Ngôn ngữ học, tiếng Việt và Ngữ văn (KN1)

- Kỹ năng quản lý trong lĩnh vực Ngôn ngữ học hoặc các lĩnh vực có liên quan đến khoa học xã hội (KN2)

- Kỹ năng vận dụng, ứng dụng kiến thức Ngôn ngữ và Việt ngữ học vào các công việc cụ thể (kỹ năng viết báo, biên tập báo chí, xuất bản; kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, lưu trữ văn bản; kỹ năng thu thập thông tin và xử lý văn bản...) (KN3)

- Kỹ năng làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ứng xử xã hội, tổ chức các cuộc họp, sự kiện (KN4)

- Kỹ năng giao tiếp xã hội mềm dẻo, hòa đồng; kỹ năng hợp tác, thuyết phục (KN5)

## II.3. Phẩm chất nhân văn:

Cử nhân ngành Ngôn ngữ học được đào tạo theo mục tiêu có tri thức vững vàng và những phẩm chất nhân văn tốt đẹp:

- Trung thành với Tổ quốc, tự hào về dân tộc (TĐ1)

- Năng động, tự tin, có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, hòa đồng, cầu tiến (TĐ2)

- Tích cực phục vụ cộng đồng (TĐ3)

- Tự học suốt đời và giữ gìn phẩm chất đạo đức của người trí thức (TĐ4)

## II.4. Vị trí làm việc và cơ hội học lên trình độ cao hơn:

***II.4.1. Vị trí làm việc:***

Cửnhân ngành Ngôn ngữ học có thể làm việc trong các lĩnh vực và vị trí sau:

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Ngữ Văn ở trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông, trung học cơ sở, các viện và các trung tâm nghiên cứu.

- Làm phóng viên, biên tập viên ở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

- Làm công việc văn phòng ở các cơ quan văn hóa và kinh tế.

- Làm các công việc liên quan đến truyền thông, tổ chức sự kiện.

***II.4.2. Cơ hội học lên trình độ cao hơn:***

Cửnhân ngành Ngôn ngữ học có thể học lên bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các ngành phù hợp và ngành gần như: Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Văn học Việt Nam, Lý luận văn học, Hán Nôm, Văn hóa học, Việt Nam học, Châu Á học, Báo chí – Truyền thông, …trong và ngoài nước.

## II.5. Khung chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Ngôn ngữ học:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MÔN HỌC** | **SỐ TC** |  |
| **I** | **KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG** | **46** |  |
|  | ***BẮT BUỘC***  | ***43*** |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 2 |  |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 3 |  |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |
| 4 | Đường lối cách mạng Việt Nam  | 3 |  |
| 5 | Pháp luật đại cương | 3 |  |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |  |
| 7 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2 |  |
| 8 | Logic học đại cương | 2 |  |
| 9 | Hán văn cơ sở | 3 |  |
| 10 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 |  |
| 11 | Chữ Nôm | 2 |  |
| 12 | Thống kê cho khoa học xã hội | 2 |  |
| 13 | Môi trường và phát triển | 2 |  |
| 14 | Tin học | 3 |  |
| 15 | Ngoại ngữ | 10 |  |
|  | ***TỰ CHỌN****(Sinh viên tự chọn 03 tín chỉ trong các môn học sau)* | ***03*** |  |
| 1 | Nhân học đại cương  | 2 |  |
| 2 | Thực hành văn bản tiếng Việt | 2 |  |
| 3 | Xã hội học đại cương | 2 |  |
| 4 | Tâm lý học đại cương | 2 |  |
| 5 | Tôn giáo học đại cương | 2 |  |
| 6 | Chính trị học đại cương | 2 |  |
| 7 | Tiến trình lịch sử Việt Nam | 3 |  |
| 8 | Lịch sử văn minh thế giới | 3 |  |
| **II** | **KHỐI GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **102** |  |
|  | ***BẮT BUỘC*** | ***86*** |  |
| 1 | Ngôn ngữ học đại cương | 3 |   |
| 2 | Ngữ âm tiếng Việt | 2 |   |
| 3 | Từ vựng tiếng Việt | 2 |   |
| 4 | Ngữ pháp tiếng Việt | 4 |   |
| 5 | Phong cách học tiếng Việt  | 2 |   |
| 6 | Hán Nôm tăng cường | 4 |   |
| 7 | Đại cương lý luận văn học | 3 |   |
| 8 | Tổng quan văn học dân gian Việt Nam | 2 |   |
| 9 | Tổng quan văn học cổ điển Việt Nam  | 3 |   |
| 10 | Tổng quan văn học hiện đại Việt Nam  | 2 |   |
| 11 | Văn học phương Đông | 2 |   |
| 12 | Văn học phương Tây | 2 |   |
| 13 | Điền dã ngôn ngữ học và các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam | 4 |   |
| 14 | Lý thuyết và thực hành văn bản | 4 |   |
| 15 | Phương ngữ học và phương ngữ tiếng Việt | 2 |   |
| 16 | Lịch sử ngôn ngữ học: các trường phái | 4 |   |
| 17 | Các loại hình ngôn ngữ | 2 |   |
| 18 | Âm vị học | 2 |   |
| 19 | Ký hiệu học | 2 |   |
| 20 | Ngôn ngữ báo chí và ngôn ngữ văn chương | 4 |   |
| 21 | Danh học: nhân danh và địa danh | 2 |  |
| 22 | Ngôn ngữ học đối chiếu | 2 |   |
| 23 | Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học | 5 |  |
| 24 | Ngữ pháp chức năng | 2 |   |
| 25 | Lịch sử tiếng Việt | 2 |   |
| 26 | Ngôn ngữ học xã hội | 2 |   |
| 27 | Các phạm trù ngữ pháp của vị từ | 2 |   |
| 28 | Tiếng Anh chuyên ngành ngôn ngữ học 1 | 3 |   |
| 29 | Tiếng Anh chuyên ngành ngôn ngữ học 2 | 3 |   |
| 30 | Thực tập, thực tế | 4 |   |
| 31 | Niên luận 1 | 2 |  |
|  | ***TỰ CHỌN 1 trong 3 định hướng sau*** | ***16*** |  |
|  | **1. Hướng nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ:** |  |  |
| 1 | Khóa luận  | 10 |   |
| 2 | Thực tập hướng nghiệp | 3 |   |
| 3 | Chữ viết và lịch sử chữ Quốc ngữ | 2 |   |
| 4 | Biên tập và soạn thảo văn bản hành chính | 2 |   |
| 5 | Tiếng Việt trong trường phổ thông | 2 |   |
| 6 | Từ Hán-Việt | 2 |   |
| 7 | Ngôn ngữ và văn hoá | 2 |   |
| 8 | Từ điển học | 2 |   |
| 9 | Ferdinand de Saussure với giáo trình Ngôn ngữ học đại cương | 2 |   |
| 10 | Ngôn ngữ học tâm lý | 2 |   |
| 11 | Các ngôn ngữ Đông Nam Á | 2 |   |
| 12 | Hệ thống vần cái tiếng Việt | 2 |   |
| 13 | Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt | 2 |   |
| 14 | Từ và từ tiếng Việt | 2 |   |
| 15 | Từ loại và từ loại tiếng Việt | 2 |   |
| 16 | Ngôn ngữ học và lý thuyết phiên dịch | 2 |   |
|  | **2. Hướng nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học:** Học với SV ngành Văn học (xem chương trình chuyên ngành Văn học)  |  |  |
|  | **3. Hướng báo chí, xuất bản, văn phòng:** Học với SV Khoa Báo chí và Truyền thông, BM Lưu trữ Khoa Lịch sử (xem chương trình chuyên ngành Văn học) |  |  |
|  | **4. Hướng nghệ thuật học:** Học với SV ngành Văn học (xem chương trình chuyên ngành Văn học) |  |  |

# III. CHUYÊN NGÀNH HÁN NÔM, CHUẨN ĐẦU RA

## III.1. Trình độ kiến thức:

Cử nhân ngành Hán Nôm, chương trình giáo dục Hán Nôm được trang bị có hệ thống các khối kiến thức sau:

- Nắm được kiến thức cơ bản về khoa học nhân văn (K1)

- Nắm vững và hiểu biết cơ bản về Hán Nôm (K2)

- Hiểu biết cơ bản về ngữ văn Việt Nam (K3)

- Hiểu biết cơ bản về ngữ văn Trung Quốc (K4)

- Hiểu biết cơ bản về văn hóa Việt Nam và Trung Quốc (K5)

## III.2. Năng lực nhận thức, tư duy/Kỹ năng thực hành:

Cử nhân ngành Hán Nôm, chương trình giáo dục Hán Nôm được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hoá với các kỹ năng thực hành để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

***III.2.1. Năng lực nhận thức, tư duy***

- Nhớ (remember, memorize), hiểu (understand) và trình bày (discuss) (T1)

- Vận dụng (apply) và phân tích (interpret) (T2)

- Phân tích đánh giá (analyze, appraise), tổng hợp (integrated) (T3)

***III.2.2. Kỹ năng thực hành***

- Kỹ năng viết, đọc dịch cơ bản (copy, identify, translate) chữ Hán cổ, hiện đại và chữ Nôm (KN1)

- Thu thập (assemble), phân tích (interpret) và đánh giá (appraise) cơ bản các tài liệu văn bản Hán Nôm (KN2)

- Giao tiếp (display) cơ bản bằng Hán ngữ (KN3)

- Vận dụng tổng hợp (integrated) và trình bày (display) được vấn đề của mình (KN4) (bao gồm những kỹ năng: - Kỹ năng làm việc nhóm; - Kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề; - Kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội)

## III.3. Về phẩm chất nhân văn:

Cử nhân ngành Hán Nôm, chương trình giáo dục Hán Nôm được đào tạo theo mục tiêu có tri thức vững vàng và những phẩm chất nhân văn tốt đẹp:

- Trung thành với Tổ quốc, tự hào về dân tộc, trân quý giữ gìn và phát huy di sản văn hoá dân tộc (TĐ1)

- Chu đáo cẩn thận, có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc (TĐ2)

- Tích cực phục vụ cộng đồng (TĐ3)

- Tự học suốt đời và giữ gìn phẩm chất đạo đức của người trí thức (TĐ4)

## III.4. Vị trí làm việc và cơ hội học lên trình độ cao hơn:

***III.4.1. Vị trí làm việc:***

Cử nhân ngành Hán Nôm, chương trình giáo dục Hán Nôm có thể làm việc trong những lĩnh vực và vị trí sau:

- Làm việc ở các cơ quan nghiên cứu Hán Nôm;

- Làm việc ở các cơ quan bảo tồn, bảo tàng, các cơ quan văn hoá.

- Làm việc cho các cơ quan, công ty nước ngoài có sử dụng tiếng Hoa;

- Làm trong cơ quan báo tiếng Hoa;

- Dịch thuật tiếng Hán cổ, tiếng Hoa;

- Biên tập ở các cơ quan báo đài, nhà xuất bản;

- Giảng dạy ở trường cao đẳng, đại học;

- Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

***III.4.2. Cơ hội học lên trình độ cao hơn:***

Cử nhân ngành Hán Nôm có thể học lên bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), các ngành phù hợp và ngành gần như: Hán Nôm, Ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam, Lý luận văn học, Văn hóa học, Việt Nam học, Châu Á học…ở trong và ngoài nước.

## III.5. Khung chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Hán Nôm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MÔN HỌC** | **SỐ TC** |  |
| **I** | **KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG** | **46** |  |
|  | ***BẮT BUỘC***  | ***43*** |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | 2 |  |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | 3 |  |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |
| 4 | Đường lối cách mạng Việt Nam  | 3 |  |
| 5 | Pháp luật đại cương | 3 |  |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |  |
| 7 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2 |  |
| 8 | Logic học đại cương | 2 |  |
| 9 | Hán văn cơ sở | 3 |  |
| 10 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 |  |
| 11 | Chữ Nôm | 2 |  |
| 12 | Thống kê cho khoa học xã hội | 2 |  |
| 13 | Môi trường và phát triển | 2 |  |
| 14 | Tin học | 3 |  |
| 15 | Ngoại ngữ | 10 |  |
|  | ***TỰ CHỌN****(Sinh viên tự chọn 03 tín chỉ trong các môn học sau)* | ***03*** |  |
| 1 | Nhân học đại cương  | 2 |  |
| 2 | Thực hành văn bản tiếng Việt | 2 |  |
| 3 | Xã hội học đại cương | 2 |  |
| 4 | Tâm lý học đại cương | 2 |  |
| 5 | Tôn giáo học đại cương | 2 |  |
| 6 | Chính trị học đại cương | 2 |  |
| 7 | Tiến trình lịch sử Việt Nam | 3 |  |
| 8 | Lịch sử văn minh thế giới | 3 |  |
| **II** | **KHỐI GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **102** |  |
|  | ***BẮT BUỘC*** | ***86*** |  |
| 1 | Ngữ âm tiếng Việt | 2 |   |
| 2 | Từ vựng tiếng Việt | 2 |   |
| 3 | Ngữ pháp tiếng Việt | 4 |   |
| 4 | Hán Nôm tăng cường | 4 |   |
| 5 | Đại cương lý luận văn học | 3 |   |
| 6 | Tổng quan văn học dân gian Việt Nam | 2 |   |
| 7 | Tổng quan văn học cổ điển Việt Nam  | 3 |   |
| 8 | Tổng quan văn học hiện đại Việt Nam  | 2 |   |
| 9 | Cổ văn (Tiên Tần - Hán Tấn) | 4 |   |
| 10 | Hán văn thời Lý - Trần | 3 |   |
| 11 | Hán văn thời Lê - Nguyễn | 5 |   |
| 12 | Văn tự học Hán Nôm  | 4 |   |
| 13 | Âm vận học Hán Nôm | 3 |   |
| 14 | Ngữ pháp văn ngôn  | 4 |   |
| 15 | Văn bản học Hán Nôm  | 3 |  |
| 16 | Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo  | 4 |   |
| 17 | Đường Tống bát đại gia  | 3 |   |
| 18 | Tứ thư | 3 |   |
| 19 | Thơ Đường | 2 |   |
| 20 | Tổng quan văn học Trung Quốc | 2 |   |
| 21 | Tiếng Hán hiện đại 1 | 2 |   |
| 22 | Tiếng Hán hiện đại 2 | 2 |   |
| 23 | Tiếng Hán hiện đại 3 | 2 |   |
| 24 | Tiếng Hán hiện đại 4 | 2 |   |
| 25 | Tiếng Hán hiện đại 5 | 2 |   |
| 26 | Tiếng Hán hiện đại 6 | 2 |   |
| 27 | Tiếng Hán hiện đại 7 | 2 |   |
| 28 | Tiếng Hán hiện đại 8 | 2 |   |
| 29 | Thực tập, thực tế | 4 |   |
| 30 | Niên luận 1 | 2 |   |
| 31 | Niên luận 2 | 2 |   |
|  | ***TỰ CHỌN 1 trong 3 định hướng sau*** | ***16*** |  |
|  | **1. Hướng nghiên cứu và giảng dạy Hán Nôm / Làm việc ở các công ty sử dụng tiếng Hoa** |  |  |
| 1 | Khóa luận | 10 |   |
| 2 | Thực tập hướng nghiệp | 3 |   |
| 3 | Hán văn Minh – Thanh | 3 |   |
| 4 | Tiếng Hoa báo chí | 2 |   |
| 5 | Tiếng Hoa văn phòng | 2 |   |
| 6 | Tiếng Hoa đàm thoại nâng cao | 4 |   |
| 7 | Dịch Hán Việt | 2 |   |
| 8 | Tiếp cận các loại hình văn bản Hán Nôm | 2 |   |
| 9 | Lịch sử Trung Quốc cổ đại | 2 |   |
| 10 | Lịch sử chế độ khoa cử và quan chế Việt Nam | 2 |   |
| 11 | Các thể loại văn học cổ Việt Nam, Trung Quốc | 2 |   |
| 12 | Nguyễn Trãi – tác gia và tác phẩm | 2 |   |
| 13 | Nguyễn Du – tác gia và tác phẩm | 2 |   |
| 14 | Văn học phương Đông | 2 |   |
| 15 | Văn học phương Tây | 2 |   |
| 16 | Từ chương học Hán Nôm | 3 |   |
|  | **2. Hướng nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học:**  Học với ngành Văn học (xem chương trình chuyên ngành Văn học) |  |  |
|  | **3. Hướng báo chí, xuất bản, văn phòng:** Học với SV Khoa Báo chí và Truyền thông, BM Lưu trữ Khoa Lịch sử (xem chương trình chuyên ngành Văn học) |  |  |
|  | **4. Hướng nghệ thuật học:** Học với SV ngành Văn học (xem chương trình chuyên ngành Văn học) |  |  |

# IV. CÁC CHỨNG CHỈ TÍCH LUỸ

**Tin học (3TC)**: SV có thể đăng ký học tại Trường hoặc nộp chứng chỉ tin học theo quy định của Nhà trường.

**Ngoại ngữ (10TC)**: SV nộp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường. Vào đầu năm học, Phòng Đào tạo và Trung tâm ngoại ngữ của Trường tổ chức thi xếp lớp và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ. Sau khi thi xếp lớp, SV sẽ đăng ký học theo các lớp phù hợp với trình độ của mình.

Để tốt nghiệp Đại học, ngoài việc hoàn thành các môn học theo chương trình trên, SV còn phải tích lũy các chứng chỉ: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

**Giáo dục thể chất**(**5TC**) được Phòng Đào tạo tổ chức học ở các học kỳ.

**Giáo dục quốc phòng** được Nhà trường và Trung tâm Giáo dục quốc phòng tổ chức học ở học kỳ Hè năm nhất.Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ thay thế nếu đã tích luỹ được các môn này từ khi là SV của trường khác.

# C. CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG (CNTN)

Chương trình đào tạo đại học hệ CNTN tại khoa Văn học và Ngôn ngữ từ năm 2002 đã được triển khai qua 13 khóa học và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Xuất phát từ tầm quan trọng của khoa học Ngữ văn trong nền giáo dục đại học cũng như khoa học nước nhà, khoa VH&NN được chọn là một trong hai khoa của trường ĐHKHXH&NV (cùng với khoa Lịch sử) tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo đại học hệ CNTN với phiên bản mới từ khóa tuyển sinh năm 2013.

Chương trình CNTN tại khoa VH&NN từ khóa tuyển sinh năm 2013 đến nay có mục tiêu:

- Xây dựng một chương trình đào tạo tiên tiến với phương pháp giảng dạy và trang thiết bị hiện đại nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa và Nhà trường;

- Tuyển chọn và tạo điều kiện phát triển cho các SV ưu tú góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu về ngữ văn, các cán bộ cốt cán cho các cơ quan văn hóa;

- Đảm bảo điều kiện và môi trường học tập tốt nhất giúp người học thể hiện và phát huy tối đa năng lực của mình.

Chương trình CNTN của khoa VH&NN thực hiện đào tạo ở ba chuyên ngành Văn học, Ngôn ngữ và Hán Nôm. Chương trình CNTN được triển khai trong 4 năm học trong đó SV được học các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, trong đó có khối kiến thức nâng cao của chương trình CNTN được thực hiện trên cơ sở các môn tương đương, môn thay thế cho các môn học trong phần kiến thức chuyên nghiệp. Chương trình thể hiện tính liên thông cao trên cơ sở ba chuyên ngành của khoa VH&NN là Văn học, Ngôn ngữ và Hán Nôm.

SV tham gia chương trình CNTN được hưởng những ưu đãi quan trọng về học bổng, miễn học phí đối với các môn học và các hoạt động sinh hoạt học thuật thuộc chương trình CNTN, chương trình học ngoại ngữ, nội dung học tập tiến tiến, có cơ hội được làm việc với các chuyên gia hàng đầu của ngành và đội ngũ GV ưu tú.

Sau khi hoàn thành chương trình đạo tạo, SV được cấp văn bằng cử nhân theo quy định, trên bằng tốt nghiệp ghi rõ “CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÀI NĂNG”.

Dựa vào kết quả thi tuyển sinh hàng năm của Khoa và chỉ tiêu do Nhà trường và ĐH Quốc gia phân bổ, Khoa VH&NN tổ chức tuyển chọn SV vào lớp CNTN trong học kỳ đầu tiên của mỗi khóa học. Hình thức tuyển sinh gồm Tự luận (50% số điểm) và Phỏng vấn (50% số điểm).Một số trường hợp có điểm đạt gần với điểm đậu, nếu có nguyện vọng sẽ được xét vào học dự bị (số SV dự bị không vượt quá 25% SV chính thức).

# D. MỘT SỐ MỐC THỜI GIAN VÀ CÔNG VIỆC SINH VIÊN CẦN LƯU Ý

## 1. Nhập học và học chính trị đầu năm

Đầu tháng 9 hàng năm, Nhà trường nhập học cho sinh viên mới trúng tuyển. Sau khi nhập học, sinh viên của Khoa được chia làm 2 lớp, gọi là lớp Ngữ văn A, Ngữ văn B.

Trước khi học các học phần chính thức, sinh viên năm nhất cũng như sinh viên các khoá cũ phải học chính trị đầu khoá, đầu năm do Nhà trường tổ chức. Lịch học chính trị và lịch học các học phần chính thức được thông báo cụ thể trên trang web của Nhà trường hoặc phát cho sinh viên khi nhập học.

## 2. Gặp mặt Ban chủ nhiệm Khoa

Khi sinh viên đã làm xong các thủ tục nhập học và học xong chính trị đầu khoá, Khoa sẽ tổ chức một buổi gặp mặt tân sinh viên. Buổi gặp mặt giữa thầy cô trong Khoa và tân sinh viên là để các bạn nắm bắt được thông tin về chương trình đào tạo, về các hoạt động Đoàn Hội…; đồng thời giải đáp những thắc mắc liên quan trong quá trình học tập của sinh viên.

## 3. Họp chia chuyên ngành

Kết thúc học kỳ 3, Khoa tổ chức một buổi họp chia chuyên ngành cho các bạn.Tại buổi họp này, các chuyên ngành đào tạo của Khoa được Ban chủ nhiệm Khoa, Trưởng bộ môn giới thiệu lại một lần nữa. Sinh viên sẽ nắm rõ hơn về chương trình đào tạo của từng ngành, khả năng nghề nghiệp của từng ngành, điều kiện được học, cũng như các thuận lợi và khó khăn có thể gặp phải khi theo học chuyên ngành đó.Từ đây, sinh viên lựa chọn đăng ký cho mình chuyên ngành học phù hợp.

## 4. Nộp chứng chỉ ngoại ngữ

Chứng chỉ ngoại ngữ là điều kiện bắt buộc để sinh viên được theo học tiếpgiai đoạn chuyên ngành cũng như được tốt nghiệp.

Kết thúc học kỳ 4, khoảng tháng 8, sinh viên phải nộp chứng chỉ A ngoại ngữ (hoặc các chứng chỉ khác tương đương) để được tiếp tục học học kỳ 5. Nếu sinh viên không có chứng chỉ ngoại ngữ phải làm đơn xin tạm ngưng học tập để có điều kiện tích lũy ngoại ngữ. Khi nào sinh viên tích lũy được ngoại ngữ theo yêu cầu mới được nhập học trở lại.

Sinh viên có thể nộp chứng chỉ của một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Hoa, Nga, Nhật, Hàn, Ý, Tây Ban Nha.

Riêng đối với sinh viên ngành Hán Nôm, không phải nộp chứng chỉ A ngoại ngữ khi bước vào học kỳ 5 vì chuyên ngành này học tiếng Hoa từ học kỳ 5 đến học kỳ 8.

Sinh viên của tất cả các ngành phải có chứng chỉ B ngoại ngữ (hoặc các chứng chỉ khác tương đương B) khi xét tốt nghiệp.



## 5. Nộp hồ sơ xét tốt nghiệp

Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 4 đợt.Sinh viên tích lũy đầy đủ học phần, chứng chỉ thì nộp hồ sơ xét tốt nghiệp về Khoa để Khoa tiến hành xét tốt nghiệp vào đợt gần nhất.

Hồ sơ xét tốt nghiệp (gọi là hồ sơ, nhưng không cần bao bì ghi chữ hồ sơ, chỉ cần các loại giấy tờ được bấm ghim vào nhau) bao gồm: đơn xin xét tốt nghiệp, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học. Các loại chứng chỉ nộp 2 bản photocopy công chứng, ghi mã số sinh viên trên góc phải.

# E. NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐOÀN HỘI, CÂU LẠC BỘ TIÊU BIỂU

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Khoa Văn học và Ngôn ngữ có truyền thống nhiều năm liền là đơn vị xuất sắc và nhận được nhiều giấy khen trong các hoạt động Đoàn Hội cấp Trường, cấp Thành cũng như cấp Trung ương. Các chương trình do Đoàn Khoa và Hội Sinh viên Khoa tổ chức đều gây được nhiều tiếng vang, đây không chỉ là những sân chơi bổ ích cho các bạn sinh viên của Khoa mà còn là cầu nối giao lưu với nhiều đơn vị kết nghĩa trong và ngoài trường.

Đối với các bạn sinh viên yêu thích và có sở trường về lãnh đạo hay tổ chức các chương trình Đoàn Hội thì tháng 9 sẽ là tháng rất đáng chú ý với chương trình điểm ***“Thi tuyển cán bộ Đoàn Hội chiến lược”***. Đây là chương trình thường niên của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Khoa nhằm phát hiện các cán bộ Đoàn Hội có năng lực xuất sắc, có khả năng kế thừa các lực lượng chủ chốt trong phong trào thanh niên của Khoa qua các thời kì. Cũng trong tháng này, các bạn tân sinh viên sẽ có chương trình hưởng ứng từ Đoàn Trường với điểm sáng là chương trình “Tân sinh viên đến với bảo tàng”, chương trình “Liên hoan tiếng hát tân sinh viên”, “Ngày hội Tân sinh viên”.

***“Khởi đầu mới”*** là chuỗi chương trình đón tiếp tân sinh viên do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Khoa Văn học và Ngôn ngữ tổ chức vào tháng 10 hàng năm. Được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2011 nhưng đã nhanh chóng trở thành chương trình tiêu biểu hàng đầu cho phong trào thanh niên của Khoa với nhiều hoạt động chào đón tân sinh viên đặc trưng như trao các học bổng cho thủ khoa, á khoa đầu vào và đầu ra; trao học bổng cho các sinh viên vượt khó, các sinh viên có thành tích nổi bật trong học tập, NCKH hay hoạt động Đoàn hội; các toạ đàm giao lưu với tân sinh viên về phương pháp học đại học, các tiết mục văn nghệ đầy sắc màu truyền thống và giao lưu với các trường kết nghĩa,…

Tháng 11 là tháng hoạt động thanh niên tiêu biểu với nhiều chương trình thú vị hướng tới kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam: chương trình Không gian Văn học – Sắc màu Văn học, chương trình chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam…Trong khi đó, tháng 12 lại nổi bật với chương trình “Tập huấn cán bộ Đoàn hội chiến lược” tại công viên Tao Đàn do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Khoa phối hợp với trường đoàn Lí Tự Trọng tổ chức.

Tháng thanh niên, tháng 3, là tháng sinh hoạt chủ điểm trong phong trào Đoàn Hội của Khoa với nhiều chương trình hưởng ứng từ Đoàn trường như “Hội thao sinh viên”, ngày hội “Sức trẻ Nhân văn”, liên hoan tài năng cán bộ Đoàn Hội, “Sinh nhật Đoàn và em”…Cũng trong tháng này có các chương trình cấp cơ sở nhằm chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tiêu biểu là chương trình “Duyên con gái”.

Chương trình truyền thống ***“Người Khoa Văn”*** sẽ diễn ra vào tháng 4 hàng năm, đây là chương trình được luân phiên tổ chức giữa các khoa Ngữ văn thuộc các trường ĐH KHXH&NV, ĐH Sư Phạm, ĐH Văn Hiến. Mỗi năm là một trường đăng cai tổ chức với mỗi chủ đề khác nhau nhưng tựu chung lại gồm có những hoạt động chính như sau: cuộc thi kiến thức học thuật về Văn học, triển lãm không gian Văn học với các gian hàng văn học nghệ thuật xen kẽ với gian hàng trò chơi dân gian, thư pháp, văn hóa ẩm thực, trao học bổng và liên hoan văn nghệ giữa các trường…

Hoạt động CLB – Đội - Nhóm cho sinh viên theo học chế tín chỉ là mô hình hoạt động nòng cốt cho phong trào Đoàn Hội của Khoa thu hút nhiều sinh viên với nhiều định hướng hoạt động sở thích và phát triển kĩ năng. Hiện nay, Khoa chúng ta có CLB – Đội – Nhóm như sau: ***CLB Văn học và Nghệ thuật*** (có các chương trình nổi bật như Trại sáng tác, đêm nhạc trữ tình, ngày Thơ Việt Nam…), ***CLB Thư pháp*** (nổi bật với chương trình Thư pháp tranh tài, triển lãm Thư pháp), ***CLB Rubic*** (thiên về các chương trình định hướng kĩ năng), ***CLB Cầu vồng lửa*** (thiên về các chương trình công tác xã hội), ***Nhóm Trung kiên*** (dành cho các bạn Đảng viên trẻ và đối tượng Đảng). Sắp tới Ban chủ nhiệm Khoa sẽ cùng với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Khoa đồng ý cho ra mắt thêm hai sân chơi mới là CLB Ngữ học trẻ và Nhóm học tiếng Anh.

**E. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ HỌC BỔNG**

## 1. Học bổng khuyến khích học tập

Học bổng khuyến khích học tập được Nhà trường xét trao mỗi năm 2 đợt cho 10% sinh viên của từng ngành học đạt thành tích học tập và rèn luyện tốt nhất học kỳ.

Điều kiện để sinh viên được xét học bổng là số tín chỉ đăng ký học tập phải lớn hơn14 tín chỉ, không có học phần nào không đạt,điểm rèn luyện phải đạt 70 điểm.

## 2. Học bổng Quỹ hỗ trợ sinh viên Ngữ văn

Học bổng Quỹ hỗ trợ sinh viên Ngữ văn của Khoa được sáng lập năm 2008, do GS.NGNN Hoàng Như Mai làm chủ tịch danh dự. Học bổng này có nguồn đóng góp từ quý thầy cô đã về hưu, quý thầy cô đang công tác, các cựu sinh viên, các cá nhân, đơn vị và tổ chức trong nước, ngoài nước.

Học bổng được Khoa xét trao cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, chịu khó học tập và rèn luyện.Số lượng học bổng được trao mỗi năm là khoảng 30 phần vào dịp đầu năm học, trong chương trình ***Khởi đầu mới.***

## 3. Học bổng của các đơn vị, tổ chức và cá nhân khác

***3.1. Học bổng Vừ A Dính***

- Là sinh viên đang theo học chương trình đào tạo chính quy tại các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM;

- Là sinh viên dân tộc thiểu số, có thành tích khá – giỏi trong học tập và rèn luyện (điểm trung bình học tập từ 7,0 trở lên).

***3.2. Học bổng “Thịnh Trí Thành Tài Cùng Cathay”***

- Ứng viên phải là sinh viên năm thứ nhất hệ chính quy của các trường

- Chưa nhận học bổng từ bất kỳ tổ chức nào trong năm học 2011 – 2012;

- Có kết quả học tập và rèn luyện tốt, điểm đầu vào đại học từ 18 điểm trở lên;

- Ưu tiên cho các sinh viên mồ côi, thuộc diện chính sách hoặc xóa đói giảm nghèo, thuộc dân tộc thiểu số hoặc sống ở vùng sâu vùng xa.

***3.3. Học bổng AREBCO***

Đạt kết quả từ 18,0 điểm trở lên trong kỳ thi tuyển sinh năm học 2011-2012 (năm thứ 1) và kết quả khá (từ 7.0 trở lên) trong năm học 2010-2011 (đối với sinh viên năm thứ 2,3 và 4).

- Có tư cách đạo đức tốt (điểm RL từ 70 trở lên), không yêu cầu nộp phiếu điểm RL.

- Rất cần sự hỗ trợ về tài chính để tiếp tục việc học.

- Sinh viên chưa nhận học bổng hay tài trợ nào khác

***3.4. Quỹ Hỗ trợ Cộng đồng Lawrence S. Ting***

Học bổng cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc:

Thành tích học tập từ 8.0 trở lên, thành tích về đạo đức, hạnh kiểm (điểm rèn luyện năm học trên 80.0) và được thầy cô giới thiệu

Giá trị mỗi học bổng: 1.000.000 VNĐ x 10 tháng = 10.000.000 VNĐ/ 02 học kỳ(học kỳ 1 là 5.000.000đ và nếu sinh viên vẫn học tập tốt, có giấy xác nhận tham gia công tác cộng đồng thì sẽ được xét cấp tiếp học bổng học kỳ 2 là 5.000.000đ).

***3.5. Học bổng của Công ty AEON 1%***

Hoàn cảnh gia đình khó khăn, tư cách đạo đức tốt;

- Là sinh viên chính quy năm thứ 2 trở lên

- Điểm trung bình học tập năm học đạt loại giỏi ( ≥8.0);

- Chưa được nhận học bổng tài trợ nào trong năm học.

***3.6. Học bổng Mitsubishi UFJ***

Là sinh viên chính quy, đang học năm thứ 3hoặc năm thứ 4 của trường.

- Có kết quả học tập đạt loại khá giỏi trở lên.

- Có tư cách đạo đức tốt (điểm rèn luyện từ 70 trở lên).

- Sinh viên chưa nhận học bổng của tổ chức nào khác trong năm học

***3.7. Học bổng Vũ Đình Liệu***

- Sinh viên thường trú tại Trà Vinh.

- Điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy ≥ 7.5.

- Diện ưu tiên (sinh viên là người dân tộc Khmer, gia đình khó khăn, diện chính sách) được xét với mức điểm ≥ 6.5.

***3.8. Học bổng Thắp sáng niềm tin***

Sinh viên đăng ký xét cấp học bổng Thắp sáng niềm tin phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Sinh viên trúng tuyển vào các trường đại học công lập, đạt điểm thi ĐH từ 20 điểm trở lên cho 3 môn thi (không tính điểm ưu tiên, điểm cho từng môn tối thiểu >=5 điểm). Sinh viên trúng tuyển vào các trường cao đẳng, đạt điểm thi từ 17 điểm trở lên cho 3 môn thi (không tính điểm ưu tiên). Các trường đại học, cao đẳng trợ cấp học phí, sinh hoạt phí cho sinh viên không thuộc diện xét cấp của Quỹ.

- Hoàn cảnh gia đình: sinh viên phải thuộc gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (có xác nhận hộ nghèo). Gia đình không có khả năng lo cho em học đại học (Quỹ sẽ đến nhà xác minh hoàn cảnh gia đình).

- Học lực: Tối thiểu đạt danh hiệu học sinh tiên tiến 03 năm liền tại cấp trung học phổ thông (ưu tiên các em đạt học sinh giỏi 03 năm liền, đạt học sinh giỏi các cấp).

- Sinh viên phải chưa được nhận học bổng thường kỳ của các tổ chức, cá nhân khác.

- Học bổng sẽ được trao từng học kỳ. Các sinh viên khi đã được duyệt cấp học bổng phải phấn đấu đạt kết quả học tập, rèn luyện loại khá trở lên mới được tiếp tục nhận học bổng cho học kỳ tiếp theo.

***3.9. Học bổng Đại học Texas Tech***

- Điểm trung bình học tập HK I năm học từ 7,5 trở lên;

- Hoàn cảnh gia đình khó khăn, tư cách đạo đức tốt;

- Chưa được nhận học bổng tài trợ ngoài xã hội nào trong 2 học kỳ liên tiếp trước đó

***3.10. Học bổng & giải thưởng Kova***

- Có tư cách đạo đức tốt;

- Là sinh viên đạt loại giỏi;

- Là sinh viên nghèo vượt khó học giỏi;

- Gia đình và bản thân chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ;

- Ưu tiên nữ sinh viên và sinh viên các dân tộc thiểu số.

# F. BIỂU MẪU

Sinh viên có thể truy cập vào các trang web sau để tải các biểu mẫu cần thiết:

Trường ĐHKHXH&NV: <http://hcmussh.edu.vn/>

Phòng Đào tạo: <http://dt.hcmussh.edu.vn/>

Phòng CTSV: <http://ctsv.hcmussh.edu.vn/>

Phòng Quản lý KH&DA: <http://qlkh.hcmussh.edu.vn/>

SV có thể tìm hiểu thêm trên các trang web của Khoa Văn học và Ngôn ngữ:<http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/>

hoặc liên hệ trực tiếp với Giáo vụ Khoa :

***Thầy Lê Văn Dũng,* ĐT: 0919 588 915**

***Cô Nguyễn Thị Tâm,* ĐT : 08 38293828 – 146** (trong giờ làm việc).

**G. DANH MỤC TÁC PHẨM VĂN HỌC TỐI THIỂU CẦN ĐỌC**

(DÀNH CHO SV KHOA VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ)

1. **VĂN HỌC VIỆT NAM**
2. VĂN HỌC DÂN GIAN
* **Cần đọc**
1. Vũ Ngọc Phan: *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*
2. Nguyễn Đổng Chi: *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*
3. VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
* **Cần đọc:**
	1. *Thiền uyển tập anh*
	2. *Việt điện u linh*
	3. *Lĩnh Nam chích quái*
	4. *Thánh tông di thảo*
	5. *Truyền kỳ mạn lục*
	6. *Truyền kỳ tân phả*
	7. *Hoàng Lê nhất thống chí*
	8. *Truyện Song Tinh*
	9. *Truyện Kiều*
	10. *Truyện Hoa Tiên*
	11. *Lục Vân Tiên*
* **Nên đọc**
1. *Thượng sĩ ngữ lục*
2. *Tam tổ thực lục*
3. *Sơ kính tân trang*
4. *Nhị độ mai*
5. *Phan Trần*

**c/** VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

**Văn học Việt Nam cuối TK.XIX - 1945**

* **Cần đọc**
1. Nguyễn Trọng Quản: *Truyện thầy Lazaro Phiền*
2. Hồ Biểu Chánh: *Chúa tàu Kim Quy*
3. Hồ Biểu Chánh: *Ngọn cỏ gió đùa*
4. Hồ Biểu Chánh: *Cha con nghĩa nặng*
5. Hồ Biểu Chánh: *Con nhà nghèo*
6. Phi Vân: *Đồng quê*
7. Hoàng Ngọc Phách: *Tố Tâm*
8. Nhất Linh: *Gia đình*
9. Nhất Linh: *Đoạt tuyệt*
10. Nhất Linh: *Bướm trắng*
11. Khái Hưng: *Hồn bướm mơ tiên*
12. Khái Hưng: *Nửa chừng xuân*
13. Khái Hưng: *Tiêu Sơn tráng sĩ*
14. Nguyễn Công Hoan: Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan
15. Ngô Tất Tố: *Tắt đèn*
16. Vũ Trọng Phụng: *Giông tố*
17. Vũ Trọng Phụng: *Số đỏ*
18. Vũ Trọng Phụng:*Vỡ đê*
19. Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời*
20. Nguyễn Tuân: *Thiếu quê hương*
21. Thạch Lam: Tuyển tập Thạch Lam
22. Nam Cao: Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao
23. Nam Cao: *Sống mòn*
	* **Nên đọc**
24. Hồ Biểu Chánh: *Cay đắng mùi đời*
25. Hồ Biểu Chánh: *Tỉnh mộng*
26. Tân Dân Tử: *Gia Long tẩu quốc*
27. Tân Dân Tử: *Gia Long phục quốc*
28. Nguyễn Chánh Sắt: *Nghĩa hiệp kỳ duyên*
29. Hoàng Ngọc Phách: Tuyển tập
30. Nhiều tác giả: Truyện ngắn Nam Phong (NXB KHXH, HN, 1989)
31. Nguyễn Trọng Thuật: *Quả đưa đỏ*
32. Phạm Quỳnh: *Thượng Chi văn tập*
33. Khái Hưng – Nhất Linh: *Gánh hàng hoa*
34. Khái Hưng: *Trống mái*
35. Khái Hưng: *Thừa tự*
36. Khái Hưng: *Đẹp*
37. Nguyễn Tuân: Tuyển tập

**Văn học Việt Nam 1945 - 1954**

* + **Cần đọc**
1. Nam Cao: Tác phẩm (sau 1945)
2. Nguyễn Đình Thi: *Xung kích*
3. Trần Đăng: Truyện và ký
4. Nguyễn Huy Tưởng: Tuyển tập
5. Tô Hoài: *Truyện Tây Bắc*
6. Phi Vân: *Dân quê*
7. Phi Vân: *Tình quê*
	* **Nên đọc**

1. Vũ Bằng: Tuyển tập Vũ Bằng

2. Võ Huy Tâm: *Vùng mỏ*

3. Nguyễn Văn Bổng: *Con trâu*

4. Nguyễn Văn Sâm: *Vănchương Nam Bộ và cuộc kháng Pháp* (Lửa thiêng, S.1972)

**Văn học VN 1954 – 1985**

* **Cần đọc:**
	1. Nguyên Ngọc: *Đất nước đứng lên*
	2. Nguyên Ngọc: *Trênquê hương những anh hùng Điện Ngọc*
	3. Nguyễn Khải: *Xung đột*
	4. Nguyễn Tuân: *Sông Đà*
	5. Nguyễn Đình Thi: *Vỡbờ*
	6. Sơn Nam: *Hương rừng Cà Mau*
	7. Anh Đức: *Hòn đất*
	8. Nguyễn Quang Sáng: *Chiếc lược ngà*
	9. Nguyễn Thi: *Người mẹ cầm súng*
	10. Phan Tứ: *Mẫn và tôi*
	11. Nguyễn Minh Châu: *Dấu chân người lính*
	12. Nguyễn Trọng Oánh: *Đất trắng*
* **Nên đọc:**
	+ 1. Bùi Đức Ái (Anh Đức): *Một chuyện chép ở bệnh viện*
		2. Chu Văn: *Bão biển*
		3. Đào Vũ: *Cái sân gạch*
		4. Nguyễn Đình Thi: Kịch: *Con nai đen, Rừng trúc, Nguyễn Trãi ở Đông Quan*
		5. Nguyễn Văn Bổng: *Rừng U Minh*
		6. Nguyễn Văn Bổng: *Áo trắng*
		7. Nguyên Ngọc: *Đất Quảng*
		8. Phan Tứ: *Giađình má Bảy*
		9. Nguyễn Tuân: *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*
		10. Hữu Mai: *Bầu trời và mặt đất*
		11. Nguyễn Minh Châu: *Miền cháy*
		12. Nguyễn Minh Châu: *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*

**Văn học Việt Nam sau 1985**

* **Cần đọc:**
1. Nguyễn Mạnh Tuấn: *Cù lao Tràm*
2. Nguyễn Minh Châu: *Cỏ lau*
3. Nguyễn Huy Thiệp: Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp
4. Lê Lựu: *Thời xa vắng*
5. Nguyễn Khải: *Gặp gỡ cuối năm*
6. Nguyễn Khải: *Thời gian của người*
7. Nguyễn Khải: *Một cõi nhân gian bé tí*
8. Ma Văn Kháng: *Mùa lá rụng trong vườn*
9. Phạm Thị Hoài: *Thiênsứ*
10. Bảo Ninh: *Nỗi buồn chiến tranh*
11. Phan Thị Vàng Anh: *Khi người ta trẻ*
12. Nguyễn Ngọc Tư: *Cánh đồng bất tận*
* **Nên đọc:**
1. Nguyễn Mạnh Tuấn: *Đứng trước biển*
2. Triệu Xuân: *Giấy trắng*
3. Nguyễn Trí Huân: *Mùa chim én bay*
4. Nguyễn Khắc Trường: *Mảnh đất lắm người nhiều ma*
5. Dương Hướng: *Bếnkhông chồng*
6. Đỗ Hoàng Diệu: *Bóng đè*
7. Tô Hoài: *Cát bụi chân ai*
8. Tô Hoài: *Ba người khác*
9. Lý Lan: *Tiểu thuyết đàn bà*
10. Y Ban: *I am đàn bà*
11. **VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

I. VĂN HỌC HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

* **Cần đọc**
1. *Thần thoại Hy Lạp*, Nguyễn Văn Khỏa biên soạn, NXB Văn học dân tộc, 1998.
2. Homère, *Iliade*, Phan Thị Miến dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1983
3. Homère, *Odyssée*, Phan Thị Miến dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1983
4. *Kịch Sophocle*, Nguyễn Giang dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1985
5. *Kịch Eschyle*, Nguyễn Giang dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1984
6. *KịchEuripide*, Nguyễn Giang, Nguyễn Trác dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1986
7. *Virgile, nhà thơ vĩ đại của La Mã cổ đại*, Nguyễn Mạnh Tường biên soạn, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996
* **Nên đọc**
1. Homère, *Iliade*, Hoàng Hữu Đản dịch, NXB Văn học, TP.HCM, 1997
2. Homère, *Odyssée*, Hoàng Hữu Đản dịch, NXB Văn học, TP.HCM, 1998

II. VĂN HỌC ANH:

1. Shakespeare, Bi kịch (*Hamlet, Romeo và Juliet*) trong: *Tuyển tập kịch Shakespeare*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1994
2. D.Defoe, *Robinson Crusoe*,
3. Jonathan Swift, *Guliver du ký*
4. W. Scott, *Ivanhoe*
5. Byron, Trường ca (*Tên cướp biển, Cain*) trong: *Tuyển tập tác phẩm Byron*, Thái Bá Tân dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1997.
6. Dickens, *Oliver Twist*
7. Thackeray, *Hội chợ phù hoa*, Trần Kiêm dịch, Văn học, Hà Nội, 1998
8. B. Shaw, *Kịch (Ngôi nhà tim vỡ)*, Bùi Ý và những người khác dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1975
9. S. Maugham, *Mưa* – tập truyện (2 tập), Nguyễn Việt Long dịch, NXB Tác phẩm mới, TP.HCM, 1986

III. VĂN HỌC PHÁP

1. V.Hugo, *Những người khốn khổ*, Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1973-1977.
2. Horoné de Balzac, *Eugénie Grandet*, Huỳnh Lý dịch, NXB Văn học, 1980.
3. Stendhal, *Đỏ và đen*,Tuấn Đô dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1971.
4. J. Paul Sartre, *Buồn nôn*, Phùng Thăng dịch, NXB An Tiêm, Sài Gòn, 1973.
5. Albert Camus, *Kẻ xa lạ*, Lê Thanh Hoàng Dân, Mai Vi Phúc dịch, NXB Trẻ, Sài Gòn, 1973.
6. Françoise Sagan, *Buồn ơi chào nhé*, Lê Huy Oanh dịch, NXB Tân Văn, Sài Gòn, 1970
7. Marguerite Duras, *Người tình*, Trịnh Xuân Hoàng dịch, NXB Hội Nhà Văn, 1991

IV. VĂN HỌC NGA

* **Cần đọc**
1. Pushkin, *Evgeny Onegin*, Thái Bá Tân dịch, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1987, hoặc Trung tâm văn hóa Đông Tây-NXB Văn học, 1999
2. Gogol, *Những linh hồn chết*, Hoàng Thiếu Sơn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2001.
3. Lermontov, *Một anh hùng thời đại*, Anh Trúc dịch, NXB Văn học, 2000.
4. Turgenev, *Cha và con*, Hà Ngọc dịch, NXB Cầu Vồng, Moskva, 1988; NXB Văn học, Hà Nội
5. Dostoevsky, *Tội ác và trừng phạt*, Cao Xuân Hạo dịch, NXB Văn học, 1988, 2000 (nên chọn đọc bản dịch này)
6. Dostoevsky, *Anh em nhà Karamazov*, Phạm Mạnh Hùng dịch, Văn học, Hà Nội, 1988, 2000 (nên chọn đọc bản dịch này)
7. Tolstoy, *Chiến tranh và hòa bình*, Cao Xuân Hạo, Hoàng Thiếu Sơn,… dịch, NXB Văn học,
8. Tolstoy, *Anna Karenina*, Nhị Ca, Dương Tường dịch, NXB Văn học,
9. Chekhov, Truyện ngắn (*Người đàn bà và con chó nhỏ, Thảo nguyên*), Kịch (*Chim hải âu, Vườn anh đào*) trong: *Tuyển tập Sêkhốp*, 3 tập, NXB Văn học, 1999. (nên chọn đọc các bản dịch của Phan Hồng Giang)
10. Gorky, Truyện ngắn (*Makar Chudra, Bà lão Izergil, Bài ca chimưng*), trong: *Tuyển tập truyện ngắn Gorky*, Phạm Mạnh Hùng, Cao Xuân Hạo dịch, NXB Văn học, 1976; NXB Văn học Giải phóng, 1983
11. Gorky, *Kịch (Dưới đáy)*, Hồng Phi dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1978
12. Sholokhov, *Sông Đông êm đềm*, Nguyễn Thụy Ứng dịch, NXB Hội Nhà Văn, 1993
* **Nên đọc**
1. *Tuyển tập Sêkhốp*, 3 tập, NXB Văn học, 1999. (nên chọn đọc các bản dịch của Phan Hồng Giang)
2. *Tuyển tập truyện ngắn Gorky*, Phạm Mạnh Hùng, Cao Xuân Hạo dịch, NXB Văn học, 1976; NXB Văn học Giải phóng, 1983

V. VĂN HỌC MỸ

1. N. Hawthorne, *Chữ A màu đỏ*, Lâm Hoài dịch, NXB Văn học, 1989
2. H. Melville, *Moby-Dick*, Trung tâm nghiên cứu Việt nam, Sài Gòn, 1964
3. W. Whitman, *Lá cỏ*, Vũ Tân và Đào Xuân Quý dịch, Văn học, 1981
4. M. Twan, *Những cuộc phiêu lưu của Tom Xo-yơ*, Nguyễn Tuấn Quang dịch, NXB Măng Non, 1984.
5. E. Hemingway, *Tuyết trên đỉnh Kilimanjaro*, Huy Phương và Phạm Viêm Phương dịch, NXB Văn nghệ, 1997.
6. E. Hemingway, *Thế giới đàn ông không có đàn bà*, Phan Quang Định dịch, NXB Văn nghệ TP.HCM, 1997
7. E, Hemingway, *Truyện cực ngắn*, Đào Ngọc Chương dịch, NXB Văn nghệ TP.HCM, 2001.
8. E. Hemingway, *Ông già và biển cả*, Huy Phương dịch, NXB Văn học, 1986.
9. W. Faulkner, *Âm thanh và cuồng nộ*, Tâm Nguyên dịch, NXB Kinh Thi, Sài Gòn, 1972.
10. Arthur Miller, *Cái chết của người chào hàng*, Đặng Thế Bích và Vũ Cận dịch, 1973.
11. S.Fitzgerald, *Gaxtbi vĩ đại*, Hoàng Cường dịch, NXB Tác phẩm mới, 1995.
12. Stephen Crane, *Maggie cô gái đi hoang*, Trương Võ Anh Giang dịch, NXB Đồng Tháp, 1988.
13. Toni Morrison, *Mắt biếc*, Phan Quang Định dịch, NXB Trẻ, 1995.

VI. VĂN HỌC TRUNG QUỐC

1. *Kinh thi* - Phạm Thị Hảo tuyển chọn và dịch- NXB ĐH KHXH & NV TP.HCM 1998.
2. *Sở từ* - 2 bản dịch của Đào Duy Anh và Nhượng Tống, trích trong cuốn Thơ ca cổ điển Trung Quốc - Lương Duy Thứ và Nguyễn Lộc chủ biên- HNC & GDVH, NXB Trẻ 1997.
3. *Sử ký Tư Mã Thiên* – Phan Ngọc dịch- NXB Văn học 1988.
4. *Đường thi tam bách thủ* - Hành Đường Thoái Sĩ tuyển chọn, Trần Uyển Tuấn bổ chú, Ngô Văn Phú dịch và giới thiệu - NXB HNV 2000.
5. *Tống từ* - Nguyễn Xuân Tảo dịch- NXB VH 1999 (có thể tham khảo thêm cuốn Tuyển tập từ Trung Hoa- Nhật Bản, Nguyễn Chí Viễn dịch, NXB VHTT 1996)
6. *Đường đại truyền kỳ* - Phùng Quý Sơn biên soạn- NXB Đà Nẵng, 1995.
7. *Đường Tống bát đại gia* - Hà Minh Phương biên soạn, NXB Đà Nẵng 1996.
8. *Hí khúc Nguyên- Minh* - Khổng Đức- Long Cương soạn dịch, HNC & GDVH- NXB Trẻ 1998.
9. La Quán Trung, *Tam quốc chí*- Phan Kế Bính dịch, NXB Văn học 1995.
10. Ngô Thừa Ân, *Tây du ký* -Thụy Đình dịch, NXB VH, HN 1988
11. Bồ Tùng Linh, *Liêu Trai chí dị* - Tản Đà, Đào Trinh Nhất, Nguyễn Văn Huyền dịch, NXB VH 1999.
12. Tào Tuyết Cần, *Hồng lâu mộng* - Nguyễn Đức Vân dịch, NXB Văn hóa, Viện VH 1963.
13. *Truyện ngắn Lỗ Tấn* - Trương Chính dịch- NXB Văn học HN 1994 (nên chọn bản này)
14. *Thơ Quách Mạt Nhược*- Phan Văn Các, Nam Trân dịch- NXB VH HN 1964.
15. Tào Ngu, *Lôi vũ*, Đặng Thai Mai dịch- NXB VH HN 1956.

VII. VĂN HỌC ẤN ĐỘ

1. Sử thi *Ramayana*, Phạm Thủy Ba dịch, NXB Văn học, 1988
2. Sử thi *Mahabharata*, Cao Huy Đỉnh và Phạm Thủy Ba dịch, NXB Khoa học xã hội, 1979.
3. Tagore, *Lời Dâng (Thơ Dâng)*, Đỗ Khánh Hoan dịch, NXB Đà Nẵng, 2001
4. Tagore, *Tâm tình hiến dâng(Người làm vườn)*, Đỗ Khánh Hoan dịch, NXB Đà Nẵng, 2001.
5. Lưu Đức Trung, Phan Thu Hiền, *Hợp tuyển văn học Ấn Độ*, NXB Giáo Dục, 2000.

VIII. VĂN HỌC NHẬT BẢN:

1. Murasaki, *Truyện kể Genji*, NXB Khoa học xã hội, 1991.
2. *Truyện kể Hâykê*, NXB Khoa học xã hội, 1989.
3. *Basho và thơ haiku*, Nhật Chiêu dịch, Khoa Ngữ văn và Báo chí, ĐHTH, 1994.
4. *Tuyển tập truyện ngắn hiện đại Nhật Bản*, Nhật Chiêu chủ biên, NXB Trẻ, 1997.
5. Akutagawa, *Trong rừng trúc*, Phong Vũ dịch, NXB Tác phẩm mới, 1979.
6. Kawabata, *Xứ tuyết*, Chu Việt dịch, NXB Trình bày, 1969.
7. Mishima, *Kim các tự*, Đỗ Khánh Hoan dịch, NXB An Tiêm, 1970
8. Abe Kobo, *Người đàn bà trong cồn cát*, Trùng Dương dịch, NXB An Tiêm, 1971

IX. VĂN HỌC TRUNG CẬN ĐÔNG

* + 1. *Nhật Chiêu*, Câu chuyện văn chương Phương Đông, NXB Giáo dục.
		2. *Nhiều tác giả* (2007), Lịch sử văn học thế giới(Nhiều người dịch), tập 1, Nxb Văn học, phần văn học Ai Cập, Lưỡng Hà, Iran.
		3. *Nhiều tác giả* (2012), Lịch sử văn học thế giới(Nhiều người dịch), tập 2, Nxb Văn học, phần IV, Các nền văn học Cận Đông và Trung Á.
		4. *Nhiều tác giả* (2014), Lịch sử văn học thế giới(Nhiều người dịch), tập 3, Nxb Văn học, phần VII Các nền văn học Trung Cận Đông và Trung Á
		5. *Ngụ ngôn cổ điển Phương Đông* (2001), Hữu Tuấn, NXB Lao Động.
		6. *Truyện cổ Ai Cập* (2002), Hà Nguyễn dịch, NXB Trẻ.
		7. Taha Hussein (2008), *Dạ khúc chim*, Tôn Thất Hoàng dịch, NXB Văn hóa Sài Gòn.
		8. *Ngàn lẻ một đêm*, 10 tập (1982-1989), NXB Văn học, Hà Nội.
		9. Saadi (1995), *Vườn hồng*, Ngụy Mộng Huyền dịch, NXB Văn học, Hà Nội.
		10. Kahlil Gibran (1998), *Cõi thơ*, Năng Chi tuyển dịch, NXB Đà Nẵng

11. Kahlil Gibran (2007), *Giọt lệ và nụ cười*, Nguyễn Yến Anh dịch, NXB Văn hóa Sài Gòn

12. Kahlil Gibran (1992), *Nhà tiên tri*, Châu Diên dịch, NXB Hội Nhà văn

13. Kahlil Gibran (2012), *Tình yên tận hiến*, Nguyễn Ước dịch, Nxb Văn học và Công ty sách Thời đại

14. Sadegh Hedayat (2012), *Con cú mù* (Hà Vũ Trọng dịch), Nxb Hội nhà văn

15. Khaled Hosseini (2013), *Người đua diều* (Nguyễn Bản dịch), Nxb Phụ nữ

16. Khaled Hosseini (2010), *Ngàn mặt trời rực rỡ* (Nguyễn Thị Hương Thảo dịch), Nxb Văn học

17. Omar Khayyam (2004), *Thơ Rubayyat*, Nguyễn Việt Thắng dịch, NXB Văn học

18. Orhan Pamuz (2007), *Tên tôi là Đỏ*, Phạm Viêm Phương dịch, NXB Văn học

19. Orhan Pamuz (2008), *Pháo đài trắng*, Nguyễn Thị Kim Hiền dịch, NXB Trẻ

20. Azit Nexin (2003), *Con cái chúng ta giỏi thật*, Vũ Ngọc Tân dịch, NXB Văn học

21. Azit Nexin (2006), *May tôi là người có giáo dục*, NXB Lao động xã hội

22. Atiq Rahimi (2010), *Nhẫn thạch*, Nguyên Ngọc dịch, NXB Hội nhà văn

23. *Lời dạy của Rumi* (2015), (Nguyễn Kim Liên, Trần Thị Ánh Ngọc dịch), Nxb Văn hóa Thông tin, TTVHNNĐT

1. **LÝ LUẬN VĂN HỌC**
* **Cần đọc:**
	1. Lưu Hiệp - *Văn tâm điêu long*
	2. Aristote – *Thi pháp học*
	3. J. Paul Sartre - *Văn học là gì?*
	4. Roland Barthes- *Độ không của lối viết*
	5. Nhiều tác giả - *Sựđỏng đảnh của phương pháp*
	6. Huỳnh Như Phương - *Trường phái Hình thức Nga*
	+ **Nên đọc**
	1. Chế Lan Viên - *Vàng sao*
	2. Nguyễn Văn Dân - *Lý luận văn học so sánh*
	3. Nguyễn Minh Châu – *Trang giấy trước đèn*
	4. Đặng Tiến – *Vũ trụ thơ*
	5. Nguyên Sa - *Một bông hồng cho văn nghệ*
	6. Nhất Linh - *Viết và đọc tiểu thuyết*
	7. Trương Đăng Dung - *Từ văn bản đến tác phẩm nghệ thuật*
	8. Nguyễn Văn Dân - *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*
	9. IU. M. Lotman - *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*
	10. Trần Đình Hượu – *Đến hiện đại từ truyền thống*
	11. Trần Quang Thái - *Chủ nghĩa hậu hiện đại*
	12. Josten Gaarder - *Thếgiới của Sophie*
	13. Bruce Morrissette - *Những tiểu thuyết của Robbe-Grillet*
	14. Jean-Francois Lyotard - *Hoàn cảnh hậu hiện đại*
	15. Pautốpxki - *Bông hồng vàng*
	16. Raxun Gamzatốp - *Daghextan củ**a tôi*

**H. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA**

**CHI BỘ**

**TRƯỞNG KHOA**

**Phụ trách CTĐT**

**CÔNG ĐOÀN KHOA**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO KHOA**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**Phụ trách NCKH - SĐH**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**Phụ trách HTQT-ĐBCL**

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**Phụ trách ĐTĐH-CTSV**

**BỘ PHẬN CHỨC NĂNG**

**BỘ MÔN**

THƯ KÝ KHOA/

GIÁO VỤ SĐH

GIÁO VỤ ĐẠI HỌC

PHÒNG TƯ LIỆU KHOA

ĐOÀN THANH NIÊN – HỘI SINH VIÊN

VĂN HỌC VIỆT NAM

LÝ LUẬN

VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

VĂN HOÁ DÂN GIAN

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI VÀ VĂN HỌC SO SÁNH

NGHỆ THUẬT HỌC

HÁN NÔM

NGÔN NGỮ

#